TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Bà Vũ Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa:Ông Đào Duy Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim U, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017).

- Bị đơn: Bà Võ Trần Duy M, sinh năm 1973 ;
Địa chỉ: Ấp G, xã E, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có mặt; Bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2017, bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2017, bà Võ Trần Duy M có vay của bà Trần Thị Kim U tổng số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay là để làm ăn. Cụ thể các khoản vay như sau:

Ngày 08/10/2016, bà M vay của bà U số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Hai bên có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận miệng về lãi suất cho vay là 5%/tháng.

Ngày 10/10/2016, bà M vay bà U số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là vào cuối năm(tức ngày 31/12/2016), hai bên có làm giấy mượn tiền. Thỏa thuận miệng về lãi suất cho vay là 5%/tháng.

Ngày 08/11/2016, bà M vay bà U số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay tiền, có làm giấy mượn tiền cùng ngày. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 5%/tháng.

Ngày 20/01/2017, bà M vay bà U số tiền là 50.000.000 đồng, bà M hứa trả góp (trả gốc và lãi) mỗi ngày là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Việc vay nợ giữa hai bên đối với 04 hợp đồng trên không có thế chấp tài sản và giấy vay nợ là do chính bà Võ Trần Duy M viết và ký tên.

Tất cả các khoản vay trên đều đã đến hạn trả nợ gốc và lãi nhưng bà M chưa thanh toán cho bà U bất kỳ khoản nào. Bà U đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nợ gốc và lãi nhưng bà M cố tình trốn tránh không trả nợ.

Nay bà U yêu cầu bà M trả cho bà U số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Võ Trần Duy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà M không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng*:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim U khởi kiện bà Võ Trần Duy M có địa chỉ tại: Ấp G, xã E, huyện C, tỉnh Đồng Nai yêu cầu bà M trả cho bà U số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

[3] Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án không tống đạt được trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn trong hợp đồng vay và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C cung cấp bà Võ Trần Duy M có đăng ký thường trú tại địa phương; Căn cứ vào Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục mà không đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

[4] Bị đơn bà Võ Trần Duy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

** Về nội dung*:

[5]Bị đơn bà Võ Trần Duy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà M không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xem xét giải quyết.

[6]Xét yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc của nguyên đơn:

Ngày 08/10/2016, bà Trần Thị Kim U cho bà Võ Trần Duy M vay số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay tiền, hai bên có làm giấy mượn tiền và thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 5%/tháng. Ngày 10/10/2016, bà M vay bà U số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là vào cuối năm, tức ngày 31/12/2016 hai bên có làm giấy mượn tiền và thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 5%/tháng. Ngày 08/11/2016, bà M vay bà U số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay tiền, hai bên có làm giấy mượn tiền và thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 5%/tháng. Vì vậy, xác định đây là những hợp đồng vay có thời hạn và có tính lãi, nội dung hợp đồng không thể hiện có việc thế chấp tài sản khi vay và nguyên đơn cũng thừa nhận.Từ khi vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, bà M chưa trả cho bà U số tiền nợ gốc và nợ lãi, và bị đơn không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi giữa các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở xem xét.

Các giao dịch này đã được thực hiện trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Theo quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì bên vay phải có trách nhiệm trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do bà U chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với hợp đồng vay ngày 20/01/2017,khi vay hai bên có làm hợp đồng vay tài sản và đã giao tiền. Hợp đồng đã xác lập và thực hiện sau thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Nội dung hợp đồng thể hiện bà M vay số tiền là 50.000.000 đồng trả góp (trả gốc và lãi) mỗi ngày là 2.000.000 đồngkể từ thời điểm vay cho đến khi hết nợ

gốc và lãi, không có thế chấp tài sản. Tuy nhiên, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán số tiền trả góp như thỏa thuận. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ dân sự năm 2015 thì bên vay phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà U theo bốn hợp đồng vay đã xác lập là 140.000.000 đồng (50.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng).

[7] Về nợ lãi: Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim U được chấp nhận nên bà Võ Trần Duy M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 140.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Bà U được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.963.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo quy định tại Điều của 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim U về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Võ Trần Duy M có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim U số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Võ Trần Duy M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Bà Trần Thị Kim U được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.963.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 001404 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cụcTHA huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA

Nguyễn Xuân Quang